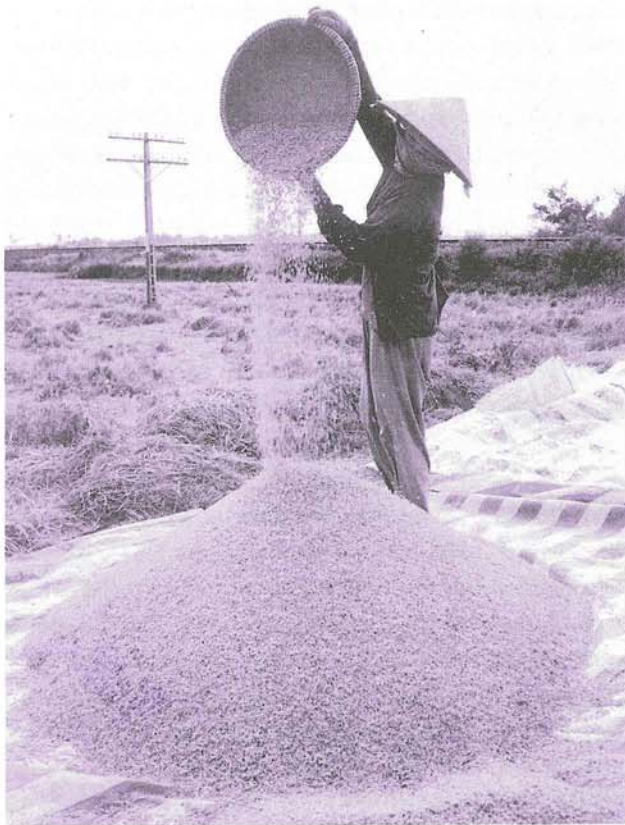




Nghèo và môi trường tự nhiên trong quá trình phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long

PGS.TS ĐINH PHI HỒ & CHIV VANNDY

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp trọng điểm của cả nước. Mặc dù đóng góp quan trọng về xuất khẩu nông – thủy sản và lương thực hàng hóa cân đối cho cả nước, nhưng ĐBSCL lại là vùng có tỷ lệ nghèo khá cao so với cả nước. Phần lớn người nghèo lại tập trung gần với vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, ven biển, nơi mà gần với tài nguyên tự nhiên. Tỷ lệ nghèo cao luôn là mối đe dọa cho phát triển bền vững. Nội dung bài viết này tập trung vào 3 vấn đề chính: Giải thích của lý thuyết, bằng chứng thực tiễn và gợi ý chính sách cải thiện tình trạng nghèo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

1. Lý thuyết và bằng chứng thực tiễn

Rao CHH và Chopra K (1991) cho rằng: Cả phương thức quảng canh và thâm canh trong sản xuất nông nghiệp đều có thể xuất hiện nghèo đói ở nông thôn. Đối với phương thức quảng canh (extensification), do bóc lột chất dinh dưỡng tự nhiên trong đất, mở rộng diện tích phá rừng, tăng trưởng nông nghiệp có thể đạt trong ngắn hạn, nhưng khi môi trường tự nhiên bị suy thoái, sản lượng và thu nhập sẽ sụt giảm trong khi dân số

tăng. Hệ quả là thất nghiệp và sự nghèo đói xuất hiện. Đối với phương thức thâm canh (intensification), để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nhanh của nông nghiệp tình trạng lạm dụng cao các hóa chất (phân bón và thuốc trừ sâu bệnh) sẽ xuất hiện. Điều này sẽ làm suy thoái tài nguyên đất và nước, một khi sự suy thoái bắt đầu ảnh hưởng, thì năng suất và thu nhập giảm dần, trong khi dân số tăng, nông thôn không thu hút được việc làm, tình trạng thất nghiệp cao và nghèo đói sẽ xuất hiện.

Shepherd A. (1998) cũng tranh luận về sự xuất hiện nghèo đói với khía cạnh khác. Ngay cả việc áp dụng các kỹ thuật sản xuất đảm bảo không suy thoái tài nguyên môi trường vẫn dẫn đến tình trạng nghèo đói. Do đặc điểm tiềm năng tự nhiên từng vùng khác nhau, hiệu quả của việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật cũng khác nhau. Bắt đầu giai đoạn áp dụng kỹ thuật mới, vì đòi hỏi tăng nhanh đầu tư (giống mới, phân bón, thuốc trừ sâu, cải tạo mặt bằng, thủy nông nội đồng) và có rủi ro cao trong đầu tư, nên phần lớn nông dân có khả năng áp dụng chính là những hộ nông dân giàu có ở vùng nông thôn và họ hưởng lợi ích lớn của việc tiên phong đầu tư các kỹ thuật mới. Sau đó, với sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua tài trợ giá đối với

đầu vào, ưu đãi về tín dụng nông dân nghèo có điều kiện áp dụng rộng rãi các kỹ thuật mới. Tuy nhiên khi đại bộ phận nông dân có thể áp dụng được, sản lượng sẽ tăng nhanh và giá sẽ rơi xuống. Hệ quả là thu nhập của nông dân (nhất là nông dân sản xuất nhỏ) sẽ bị giảm. Nếu quá trình này tiếp tục họ sẽ bị lỗ và gánh nặng nợ nần ngày càng chồng chất dẫn đến từ bỏ việc đầu tư, trong khi dân số tiếp tục tăng, thất nghiệp sẽ tăng và tình trạng nghèo đói sẽ trầm trọng. Do thu nhập thấp và thất nghiệp cao nên chi phí cơ hội của lao động thấp. Trong bối cảnh đó, nông dân sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng hàng hóa tự nhiên của bộ phận dân cư có thu nhập cao bằng cách khai thác nguồn lực tự nhiên (nguồn lực công cộng) để kiếm thu nhập (phá rừng, săn bắn, đánh bắt mọi loài sinh vật với bất kể kích thước...). Hệ quả là môi trường tự nhiên tiếp tục suy thoái, thu nhập của họ sẽ giảm sút và rơi vào vòng lẩn quẩn nghèo đói. Do đó, một trong nguồn gốc ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp bền vững chính là tình trạng nghèo ở vùng nông thôn. Nhận diện được nguyên nhân của nghèo là căn cứ quan trọng để làm cơ sở cho các chính sách tác động giảm nghèo, và như vậy sẽ góp phần cho phát triển nông nghiệp bền vững ở ĐBSCL.

Theo Waheed (1996), Dominique V.D.W và Dileni G. (2000), Bales S. (2001), Wan D.W và Cratty (2002), WB (2007), Đinh Phi Hổ và Nguyễn Trọng Hoài (2007) các yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghèo đói ở nông thôn bao gồm:

- Nghề nghiệp, tình trạng việc làm

Người nghèo thường không có việc làm, làm thuê hoặc làm việc trong nông nghiệp, trong khi người giàu thường có việc làm trong những lĩnh vực có thu nhập cao và tương đối ổn định như buôn bán, công chức.

- Trình độ học vấn

Người nghèo không có đủ tiền để trang trải cho chi phí học tập nên thường bỏ học rất sớm hay thậm chí là không đi học. Hậu quả là người nghèo không những thiếu hiểu biết mà còn thiếu khả năng tiếp thu kiến thức chuyên môn cần thiết trong hoạt động kinh tế và sản xuất. Và rồi họ lại rơi vào cái bẫy: ít học – nghèo.

- Giới tính của chủ hộ

Theo thực tế, những hộ có chủ hộ là nữ có khả năng nghèo lớn hơn so với những hộ có chủ hộ là nam. Tình trạng này phổ biến ở các vùng nông

thôn nghèo, nơi mà người nữ thường có ít cơ hội làm việc với thu nhập cao mà thường làm việc nhà và sống dựa vào nguồn thu từ người nam trong gia đình.

- Quy mô hộ và số người sống phụ thuộc

Quy mô một hộ gia đình càng lớn thì hộ có chi tiêu bình quân đầu người thấp hơn và nhiều khả năng nghèo hơn. Tỷ lệ người ăn theo càng cao, nguy cơ nghèo lớn hơn vì phải gánh chịu những chi phí nhiều hơn cho học hành, khám chữa bệnh.

- Quy mô diện tích đất của hộ gia đình

Ở nông thôn, đất là tư liệu sản xuất chủ yếu của nông nghiệp, nguồn tạo ra thu nhập. Do đó, không có đất hoặc quy mô đất ít thường đi đôi với nghèo đói.

- Quy mô vốn vay từ định chế chính thức

Thiếu vốn đầu tư dẫn đến năng suất thấp, kéo theo thu nhập hộ gia đình thấp. Vay vốn từ định chế chính thức là công cụ quan trọng giúp hộ nông thôn thoát nghèo.

- Những hạn chế của người dân tộc thiểu số

Do người dân tộc thiểu số thường định cư ở những vùng địa lý khó khăn, điều kiện sống, trình độ dân trí thấp nên khả năng nghèo cao hơn người dân tộc định cư vùng trung tâm, vùng đồng bằng.

- Khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng nông thôn bao gồm đường giao thông, điện, nước sạch, hệ thống thông tin liên lạc có vai trò quan trọng đối với giảm nghèo. Khi cơ sở hạ tầng nông thôn phát triển nhất là thông qua thực hiện các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, sẽ tạo nhiều cơ hội việc làm cho người nghèo ở vùng nông thôn.

2. Ứng dụng mô hình kinh tế lượng (Mô hình Logit) trong việc nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo ở Việt Nam và ĐBSCL

$$Y = \beta_0 + \sum_{i=1}^n \beta_i X_i U_i$$

Y là biến giả, có giá trị bằng 1 (nếu hộ gia đình nghèo) và bằng 0 (cho tất cả các hộ gia đình khác). Xi là các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo (i = 1 – n)

Dạng tổng quát của mô hình Logit:

$$E(Y = 1 | X_i) = \beta_0 + \sum_{i=1}^n \beta_i X_i + U_i$$

$$E(Y=1 | X_i) = 1.P(Y=1 | X_i) + 0.P(Y=0 | X_i) = P(Y=1 | X_i)$$

$$P_i = E(Y = 1 | X_i) = \beta_0 + \sum_{i=1}^n \beta_i X_i$$

Pi là xác suất hộ gia đình là nghèo.

Dựa vào số liệu điều tra mức sống hộ gia đình năm 2004 (VHLSS, 2004), với 360 hộ dân cư sinh sống trong 120 xã thuộc 26 huyện của 7 tỉnh giáp biển ở ĐBSCL.

Kết quả cho thấy: (Xem bảng)

Các biến số độc lập	β_i	P	Mô phỏng xác suất nghèo khi biến độc lập thay đổi 1 đơn vị và xác suất ban đầu là: %			
			10	20	30	40
Hằng số	-1.33866	0.0004				
Giới tính	-1.23688	0.0000	3,1	6,8	11,1	16,2
Số thành viên (người)	0.413104	0.0000	14,4	27,4	39,3	50,2
Việc làm sản xuất nông nghiệp	-1,2858	0,003	3,0	6,5	10,6	15,6
Việc làm phi nông nghiệp	-0.99704	0.0244	3,9	8,4	13,7	19,7
Diện tích đất (ha)	-0.1902	0.0003	8,4	17,1	26,2	35,5
Số tiền được vay (nghìn đồng)	-0.04919	0.0005	9,6	19,2	29,0	38,8
Trình độ văn hóa	-0.3486	0.0244	7,3	15,0	23,2	32,0
Có đường ô tô	-1,3667	0,000	2,8	6,0	9,9	14,5

Ghi chú: các biến độc lập có mức ý nghĩa 5 - 10%. Đã kiểm định cộng tuyến.

Nguồn: Trương Thanh Vũ, 2007.

- Trong cột (P, xác suất) cho biết các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo bao gồm: Giới tính, qui mô lao động của hộ, việc làm sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp, qui mô diện tích đất canh tác, qui mô tiền vay từ định chế chính thức, trình độ văn hóa và cơ sở hạ tầng nông thôn.

- Trong cột mô phỏng xác suất nghèo cho thấy các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến nghèo bao gồm: giới tính, việc làm nông nghiệp và phi nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nông thôn.

Mình họa: Giả sử xác suất nghèo của hộ gia đình ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không thay đổi, nếu một hộ có nơi cư trú có đường ô tô đến thì xác suất nghèo của hộ này sẽ giảm xuống chỉ còn 2,8%. Nếu xác suất ban đầu là 20%, xác suất nghèo của hộ sẽ giảm xuống chỉ còn 6%, tương tự, lần lượt là 9,9% và 14,5% khi xác suất ban đầu là 30% và 40%.

Như vậy, nghèo đói luôn là mối đe dọa trong phát triển bền vững và không chỉ duy nhất phụ thuộc vào công nghệ mà còn tùy thuộc vào vấn đề kinh tế - xã hội. Các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo mà chính sách cần ưu tiên quan tâm bao gồm: hoạt

động của phụ nữ ở nông thôn, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, mở rộng việc làm phi nông nghiệp, đầu tư cơ sở hạ tầng, qui mô nhân khẩu của hộ, vay vốn sản xuất và giáo dục.

3. Gợi ý về chính sách để giảm nghèo ở ĐBSCL

Tùy theo từng vùng sinh thái khác nhau, hệ

thống giải pháp nhằm giảm nghèo khác nhau. Trong phần này, gợi ý những giải pháp có thể ứng dụng được.

(1) Tạo cơ hội để người phụ nữ có thể tham gia công việc ngoài nội trợ nhiều hơn, hạn chế tình trạng bất bình đẳng nam nữ trong công việc.

Để thực hiện điều này, các tổ

chức xã hội, đoàn thể, hệ thống phương tiện thông tin đại chúng giữ vai trò quyết định trong việc phổ biến những tác động làm thay đổi nhận thức về vai trò của phụ nữ trong gia đình.

(2) Khuyến khích đầu tư để tạo thêm nhiều việc làm phi nông nghiệp giúp đa dạng hóa nguồn thu nhập cho người dân ở vùng nông thôn.

Chính phủ cần quan tâm tới phân bổ các nguồn lực có được từ viện trợ, tài trợ của các nước phát triển để đầu tư vào các dự án tạo việc làm phi nông nghiệp ở vùng nông thôn, giúp các hộ dân đa dạng hóa nguồn thu nhập, tránh phụ thuộc hoàn toàn vào nông nghiệp. Tùy theo từng vùng sinh thái khác nhau, những dự án cần quan tâm phát triển bao gồm:

- Khôi phục và phát huy các làng nghề truyền thống.

Đó là các làng nghề có quá trình phát triển từ lâu đời nên nếu khôi phục lại sẽ có điều kiện phát triển các lợi thế về tay nghề của các nghệ nhân, nhân hiệu truyền thống cũng như các thị trường tiêu thụ truyền thống.

- Tài trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ có khả năng tạo việc làm tại chỗ cho những lao động dư thừa, sử dụng được các loại lao động ngoài độ tuổi ở nông thôn. Đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành thu mua và chế biến nông sản, sản xuất thủ công mỹ nghệ, mây tre đan lát, sản xuất hàng tiêu dùng, vật tư kỹ thuật và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp,

- Phát triển đa dạng mạng lưới dịch vụ ở nông thôn, bao gồm: (a) dịch vụ trong nông nghiệp từ dịch vụ tín dụng, bảo hiểm, cung cấp vật tư kỹ thuật, máy móc thiết bị, cung cấp hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, đến các dịch vụ mua bán, chế biến lương thực thực phẩm, thủy sản để cung cấp trong nước và xuất khẩu; (b) dịch vụ giao thông vận tải ở nông thôn, xây dựng, sửa chữa nhà cửa; (c) Khai thác cảnh quan tự nhiên, nét đặc thù văn hóa địa phương để phát triển dịch vụ du lịch, khu nghỉ dưỡng, khu giải trí.

- Tăng cường đầu tư các dự án phát triển cơ sở hạ tầng (điện, đường nông thôn, nước sinh hoạt, hệ thống thông tin) cho các vùng nông thôn nhằm: (1) giảm cách biệt mức hưởng thụ tiện nghi giữa nông thôn và thành thị, (2) tạo cơ hội việc làm cho người nghèo. Hơn nữa, điều này cũng thể hiện chính sách đối xử công bằng đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

(3) Nâng cao hiệu quả và thu nhập từ sản xuất nông nghiệp.

Hệ thống khuyến nông sẽ giữ vai trò quyết định trong việc huấn luyện, chuyển giao công nghệ cho nông dân nghèo sản xuất nông nghiệp. Trong điều kiện cho phép của thể chế WTO, Chính phủ nên tăng nhanh nguồn lực cho hệ thống khuyến nông, nhất là cấp cơ sở về kinh phí và mở rộng lực lượng cán bộ khuyến nông cơ sở.

(4) Giảm quy mô hộ gia đình thông qua tác động của các chương trình kế hoạch hóa gia đình ở nông thôn.

Phần lớn qui mô hộ gia đình cao tập trung vào vùng sâu, ven biển, do đó các chương trình vận động để giảm mức sinh cần phải thực hiện song song với các chương trình xóa đói giảm nghèo nên ưu tiên cho các vùng này.

(5) Đa dạng hóa nguồn vốn cho vay, mức cho vay cao hơn, thời hạn dài hơn và cho vay kết hợp với hỗ trợ phương thức làm ăn, sản xuất

- Phổ biến kiến thức và quy trình vay vốn đến các hộ nghèo để họ mạnh dạn vay vốn nếu có đủ

điều kiện và nhu cầu. Đặc biệt là những hộ nghèo thuộc nhóm dân tộc thiểu số.

- Nên đa dạng hóa nguồn vốn cho vay với nhiều điều kiện vay, phương thức vay và trả hay lãi suất khác nhau chứ không nhất thiết chỉ có các ngân hàng chính sách. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các dự án tài chính vi mô mở rộng hoạt động ở vùng nông thôn.

- Kết hợp giữa tổ chức tín dụng liên kết với các trung tâm khuyến nông trong hướng dẫn và tư vấn về kỹ thuật sử dụng vốn vay như thế nào, làm sao có thể tránh được những rủi ro và sử dụng hiệu quả vốn vay.

(6) Thay đổi nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục, mở rộng cơ hội cho người dân được tiếp cận với giáo dục cũng như thông tin kiến thức nhiều hơn

Đối với vùng sâu, xa và ven biển, cần quan tâm giải quyết những vấn đề sau:

- Chính phủ nên có chính sách miễn toàn bộ phí xây dựng trường học, cấp sách giáo khoa miễn phí cho con em hộ nghèo nhằm tạo động lực lớn giúp hộ nghèo chèo con đến trường.

- Chính sách đảm bảo trả lương đầy đủ và đúng hạn cho giáo viên tại các vùng sâu, vùng xa ở nông thôn.

- Xã hội hóa hoạt động giáo dục ở vùng thôn nhất là khai thác sự đóng góp của các tổ chức từ thiện trong và ngoài nước, tổ chức tình nguyện trong việc phát triển cơ sở vật chất và lực lượng giáo viên ■

Tài liệu tham khảo

1. Rao C.H.H and Chopra K. (1991), "The links between sustainable agricultural growth and poverty", in *Food and Agricultural Development Centre (FADC)*, pp. 53-68.
2. Shepherd A. (1998), *Sustainable rural development*, USA:ST, Martin's Press, Inc.
3. World Bank (2004), Vietnam development report 2005. Governance, The World Bank in Vietnam and other donors, Report submitted to the CG meeting December 2004.
4. Minot M., Epprecht M, Roland-Holst (2004), *Income diversification and poverty in the Northern Uplands of Vietnam*, Hanoi: Agricultural Publishing House.
5. Đinh Phi Hổ (2008), *Kinh tế học nông nghiệp bền vững*, NXB Phương Đông.
6. Đinh Phi Hổ (2007), "Phát triển nông nghiệp bền vững: Những thách thức và gợi ý chính sách" trong *Việt Nam hội nhập và phát triển bền vững*, NXB Thông tấn.
7. Đinh Phi Hổ (Chủ biên) (2006), *Kinh tế phát triển: Lý thuyết và thực tiễn*, NXB Thống kê.